TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bán án số: 70/2019/HNGĐ - ST
Ngày 21-8-2019
"Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : **Ông Nguyễn Quốc Nam**

Các *Hội thẩm nhân dân*: 1. **Ông Đặng Hữu Tấn**

2. **Ông Lê Thành Thật**

Thư ký phiên tòa: **Ông Lê Quốc Trung** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: **Ông Nguyễn Phú Hữu** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 128/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm 1996

Nơi cư trú: Tổ 9, ấp 1, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

2. Bị đơn: **Anh Sứ Văn C, s**inh năm 1996. Vắng mặt

Nơi cư trú: Tổ 9, ấp 1, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Sứ Văn C quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L ngày 09/01/2009, đây là hôn nhân lần thứ nhất của chị và anh C. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc gia đình dẫn đến bất đồng quan điểm, chị L đã nhiều lần khuyên ngăn và hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh C.

Về quan hệ con chung: Chị L và anh C có hai con chung tên Sứ Thị Kim C, sinh ngày 04/7/2012 và Sứ Huy L, sinh ngày 28/9/2009. Chị L đang chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung nên yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh Chiến cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Sứ Văn C vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa lần thứ hai, không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối cũng như chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Về con chung: hiện con chung đang sống với chị L, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L được quyền nuôi hai con chung; Về cấp dưỡng nuôi con: chị L không yêu cầu anh Chiến cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét đến; Về tài sản chung, nợ chung: chị L cho rằng không có tài sản chung nên đề nghị không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng đét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Sứ Văn C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn có đăng ký thường trú tại xã M, thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nhưng Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ. Như vậy, từ khi Tòa án thụ lý đến ngày xét xử vụ án bị đơn đã từ chối các quyền, cũng như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn có địa chỉ cư trú rõ ràng, địa phương vẫn còn quản lý nhân khẩu. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 06, quyển số 01/2009 ngày 09/01/2009 thể hiện nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật, phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên quá trình chung sống, chị L cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C không có trách nhiệm với gia đình, thiếu chia sẻ, cảm thông nhau trong đời sống vợ chồng, chị L đã nhiều lần cho cơ hội nhưng anh C không thay đổi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải thể hiện tình cảm yêu thương, quan tâm chăm sóc, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt

qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương, nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc. Chị L cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh Chiến không có ý kiến phản đối, điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị L và anh C có hai con chung tên Sứ Thị Kim C, sinh ngày 04/7/2012 và Sứ Huy L, sinh ngày 28/9/2009.

Chị L đang chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và yêu cầu được nuôi con chung sau ly hôn nhưng anh C không có ý kiến phản đối. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tốt về thể chất, tinh thần và đảm bảo cho việc học hành cho con chung cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh của chị Ly. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Sứ Thị Kim C, Sứ Huy L. Chị L và gia đình của chị L phải tạo điều kiện cho anh C được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị L cho rằng không có tài sản chung, anh C không có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228,

điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ L, bị đơn Sứ Văn C.

* **Xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ L

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ L được ly hôn với anh Sứ Văn C.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ L được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Sứ Thị Kim C, sinh ngày 04/7/2012 và Sứ Huy L, sinh ngày 28/9/2009.

Chị L và gia đình của chị L phải tạo điều kiện cho anh Chiến được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do chị L không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002755 ngày 07/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L. Chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

[7] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- THA TPL;
- VKS TPL;
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam